

ĐỘNG LỰC HỌC TIẾNG ANH CỦA SINH VIÊN KHOA CÔNG NGHỆ PHẦN MỀM, TRƯỜNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG, ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

PHÍ CÔNG MẠNH
Đại học Công nghiệp Hà Nội

Nhận bài ngày 22/6/2026. Sửa chữa xong 30/7/2026. Duyệt đăng 04/8/2026.

Abstract

This study analyzes the current state of English learning motivation among students of the Faculty of Software Engineering through quantitative surveys and qualitative interviews. The results indicate that students have a high level of motivation to learn English, primarily driven by career-related needs, the ability to access specialized materials, and the requirements of employers. However, students still face challenges in maintaining consistent learning habits due to limited time, a lack of practical environments, and insufficient communication skills. The study proposes solutions to enhance English for specific purposes, expand foreign language usage environments, and connect learning activities with real-world professional contexts.

Keywords: Career opportunities, English for information technology, English learning motivation, foreign-language learning environment, software engineering students.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ, tiếng Anh đã trở thành công cụ giao tiếp quốc tế và là một trong những năng lực cốt lõi đối với nguồn nhân lực Khoa Công nghệ thông tin (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2022). Đặc biệt, đối với sinh viên (SV) Khoa Công nghệ phần mềm, việc thành thạo tiếng Anh không chỉ hỗ trợ tiếp cận các tài liệu chuyên Khoa, công nghệ mới và các chuẩn lập trình quốc tế mà còn mở rộng cơ hội học tập, nghiên cứu, làm việc trong môi trường đa quốc gia và nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường lao động. Thực tế cho thấy, phần lớn tài liệu kỹ thuật, ngôn ngữ lập trình, tài liệu hướng dẫn, diễn đàn công nghệ và các khóa học trực tuyến chất lượng cao đều được xây dựng bằng tiếng Anh. Do đó, động lực học Tiếng Anh đóng vai trò quan trọng, quyết định mức độ chủ động, sự kiên trì và hiệu quả học tập của SV trong quá trình hình thành và phát triển năng lực ngoại ngữ. Xuất phát từ những vấn đề nêu trên, bài báo “Những yếu tố ảnh hưởng đến động lực học Tiếng Anh của SV Khoa Công nghệ phần mềm, Trường Công nghệ Thông tin và Truyền thông, Đại học Công nghiệp Hà Nội” được thực hiện từ tháng 8 năm 2024 đến tháng 8 năm 2025 nhằm xác định và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến động lực học Tiếng Anh của SV. Trong nghiên cứu này thang đo Likert 5 bậc được sử dụng để đánh giá mức độ đồng ý của người trả lời, với quy ước: 1.00 - 1.80: Rất thấp; 1.81 - 2.60: Thấp; 2.61 - 3.40: Trung bình; 3.41 - 4.20: Cao; 4.21 - 5.00: Rất cao. Số lượng nghiên cứu Khoa công nghệ phần mềm là 300 SV. Phương pháp nghiên cứu chính là phương pháp nghiên cứu tài liệu, phương pháp nghiên cứu điều tra bảng hỏi, phương pháp phỏng vấn.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Một số khái niệm liên quan

Động lực học tập (learning motivation) được hiểu là tổng hợp các yếu tố bên trong và bên ngoài thúc đẩy người học tham gia vào quá trình học tập, duy trì sự nỗ lực và kiên trì nhằm đạt được mục tiêu học tập đã đề ra. Động lực không chỉ quyết định việc người học có bắt đầu học hay không mà còn ảnh

Email: congmanhspdl@gmail.com

hưởng đến mức độ cố gắng, sự bền bỉ và chất lượng kết quả học tập. Trong tâm lý học giáo dục, động lực được xem là một trong những yếu tố quan trọng nhất quyết định thành công của quá trình học tập (Dörnyei, Z., 1994, tr.275). Động lực có thể xuất phát từ các yếu tố bên trong như hứng thú, niềm yêu thích, nhu cầu phát triển bản thân hoặc từ các yếu tố bên ngoài như điểm số, bằng cấp, sự ghi nhận của gia đình, giảng viên (GV) và cơ hội nghề nghiệp. Mức độ động lực cao sẽ giúp người học tích cực, bền bỉ và đạt kết quả học tập tốt hơn (Aryadoust, V., Soo, Y. X. N., & Zhai, J. 2024, tr. 65).

Động lực học ngoại ngữ là một quá trình năng động, gắn liền với khả năng tự điều chỉnh của người học (self-regulated learning), trong đó động lực không chỉ thúc đẩy việc học mà còn được duy trì và phát triển thông qua quá trình người học tự đặt mục tiêu, theo dõi và điều chỉnh hoạt động học tập của mình. Mô hình này nhấn mạnh mối quan hệ tương hỗ giữa động lực và tự điều chỉnh trong học tập ngoại ngữ. Động lực học ngoại ngữ là một quá trình năng động, gắn liền với khả năng tự điều chỉnh học tập của người học (Henry, A., & Liu, M. 2024, tr.150). Mô hình này nhấn mạnh mối quan hệ tương hỗ giữa động lực và tự điều chỉnh, trong đó động lực thúc đẩy quá trình tự học, còn việc tự điều chỉnh hiệu quả góp phần duy trì và nâng cao động lực học ngoại ngữ.

Đối với SV kỹ thuật nói chung và SV Khoa Công nghệ phần mềm nói riêng, áp lực học tập chuyên môn, khối lượng kiến thức lớn cùng xu hướng ưu tiên các môn chuyên Khoa có thể làm giảm sự quan tâm và động lực đầu tư cho việc học Tiếng Anh, mặc dù đây lại là yêu cầu thiết yếu đối với nghề nghiệp trong tương lai. Trường Công nghệ Thông tin và Truyền thông, Đại học Công nghiệp Hà Nội là cơ sở đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin (CNTT) có quy mô lớn, trong đó Khoa Công nghệ phần mềm luôn thu hút số lượng SV đông đảo. Nhà trường đã chú trọng tăng cường đào tạo ngoại ngữ nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra và yêu cầu của doanh nghiệp. Tuy nhiên, trên thực tế, mức độ hứng thú, thái độ học tập và động lực học Tiếng Anh của SV vẫn có sự khác biệt đáng kể; nhiều SV chưa chủ động học tập, thiếu mục tiêu rõ ràng hoặc chưa nhận thức đầy đủ về vai trò của tiếng Anh đối với nghề nghiệp.

Sinh viên Khoa Công nghệ phần mềm là người học đang theo học chương trình đào tạo đại học thuộc lĩnh vực CNTT, chuyên sâu về kỹ thuật phát triển phần mềm. SV được trang bị kiến thức về lập trình, cơ sở dữ liệu, phân tích và thiết kế hệ thống, kiểm thử phần mềm, quản lý dự án và các công nghệ mới, đồng thời phát triển kỹ năng làm việc nhóm, tư duy sáng tạo và sử dụng tiếng Anh chuyên Khoa để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong thời kỳ chuyển đổi số (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2022). Động lực học Tiếng Anh của SV Khoa Công nghệ phần mềm được hiểu là mức độ sẵn sàng, mong muốn và sự kiên trì của SV trong việc học Tiếng Anh nhằm đáp ứng yêu cầu học tập, tiếp cận tri thức chuyên Khoa, phát triển năng lực nghề nghiệp và hội nhập quốc tế. Động lực này được hình thành từ sự tương tác giữa động lực nội tại (hứng thú học tập, nhu cầu phát triển bản thân, mong muốn sử dụng tiếng Anh trong lĩnh vực CNTT) và động lực bên ngoài (chuẩn đầu ra ngoại ngữ, yêu cầu của chương trình đào tạo, nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp và cơ hội nghề nghiệp).

Theo quan điểm của Gardner (1985), Dörnyei (2009) và Henry và Liu (2024), động lực học Tiếng Anh của SV chịu ảnh hưởng đồng thời bởi các yếu tố cá nhân và môi trường. Trong đó, các yếu tố cá nhân như trình độ tiếng Anh, kinh nghiệm học tập, hứng thú, nhận thức về giá trị của ngoại ngữ và niềm tin vào năng lực bản thân (self-efficacy) giữ vai trò nền tảng trong việc hình thành và duy trì động lực. Môi trường học tập với phương pháp giảng dạy, GV, học liệu và các hoạt động tương tác góp phần nuôi dưỡng động lực học ngoại ngữ (Dörnyei & Ushioda, 2021, tr. 85), đồng thời việc đáp ứng nhu cầu về năng lực, tính tự chủ và sự gắn kết sẽ thúc đẩy động lực nội tại của người học (Ryan & Deci, 2020, tr. 55). Bên cạnh đó, công nghệ và môi trường học tập mở giúp tăng tính tự chủ và duy trì việc học Tiếng Anh hiệu quả (Lai, 2017, tr. 77; Reinders & Benson, 2022, tr. 262). Yêu cầu chuẩn đầu ra ngoại ngữ cũng tạo động lực học tập nhưng chủ yếu mang tính ngắn hạn nếu chỉ hướng đến thi cử (Ryan & Deci, 2020, tr. 56; Dörnyei & Ushioda, 2021, tr. 86). Ngoài ra, sự hỗ trợ của gia đình, cộng đồng (Eccles & Wigfield, 2020) cùng bối cảnh toàn cầu hóa và nhu cầu hội nhập quốc tế (Henry & Liu, 2024, tr. 151; UNESCO, 2024, tr. 112) cũng là những yếu tố quan trọng thúc đẩy SV duy trì động lực học Tiếng Anh.

2.2. Thực trạng động lực học Tiếng Anh của sinh viên Khoa Công nghệ phần mềm, Trường Công nghệ thông tin và Truyền thông

Động lực học Tiếng Anh của SV Khoa Công nghệ phần mềm trước tiên được thể hiện qua mức độ học tập môn học này. Qua khảo sát, chúng tôi thu được kết quả ở bảng 1.

Bảng 1: Mức độ động lực học Tiếng Anh của SV Khoa Công nghệ phần mềm

Nội dung khảo sát	Điểm trung bình (Mean)	Độ lệch chuẩn (SD)	Mức độ
Tôi học Tiếng Anh để đáp ứng yêu cầu học tập tại trường	4.28	0.73	Cao
Tôi học Tiếng Anh để đọc tài liệu chuyên Khoa CNTT	4.35	0.68	Cao
Tôi học Tiếng Anh để có cơ hội việc làm tốt hơn	4.51	0.61	Rất cao
Tôi yêu thích việc học Tiếng Anh	3.72	0.84	Khá
Tôi luôn duy trì việc học Tiếng Anh ngay cả khi không có kiểm tra	3.48	0.89	Trung bình khá
Điểm trung bình chung	4.07	0.75	Cao

Kết quả ở bảng 1 cho thấy SV Khoa Công nghệ phần mềm có động lực học Tiếng Anh ở mức khá cao (Mean = 4,07/5,00), phản ánh nhận thức rõ về vai trò của tiếng Anh đối với học tập chuyên ngành và cơ hội nghề nghiệp. Trong các nội dung khảo sát, động lực nổi bật nhất là học Tiếng Anh để có cơ hội việc làm tốt hơn (Mean = 4,51), tiếp theo là đọc tài liệu chuyên ngành CNTT (Mean = 4,35) và đáp ứng yêu cầu học tập tại trường (Mean = 4,28). Kết quả cho thấy động lực học Tiếng Anh của SV chủ yếu xuất phát từ các mục tiêu thực tiễn, đặc biệt là phục vụ học tập chuyên ngành, tiếp cận tri thức mới và nâng cao năng lực cạnh tranh trong thị trường lao động.

Kết quả phỏng vấn định tính phù hợp với khảo sát định lượng, cho thấy SV Khoa Công nghệ phần mềm nhận thức rõ vai trò của tiếng Anh trong học tập và nghề nghiệp. SV T.V.Q chia sẻ: “*Em nhận thấy hầu hết tài liệu lập trình và nhiều khóa học công nghệ đều sử dụng tiếng Anh...*”. Nhìn chung, SV có động lực học Tiếng Anh khá tích cực, song cần tăng cường các hoạt động học tập gắn với thực tiễn nghề nghiệp để phát triển động lực bền vững.

Bảng 2: Đánh giá các thành phần của động lực học Tiếng Anh của SV Khoa Công nghệ phần mềm

Thành phần động lực	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn	Mức đánh giá
Hứng thú học Tiếng Anh	3.95	0.72	Cao
Nhu cầu phát triển bản thân	4.12	0.67	Cao
Mong muốn sử dụng tiếng Anh trong CNTT	4.31	0.59	Rất cao
Động lực từ chuẩn đầu ra ngoại ngữ	4.20	0.65	Cao
Động lực từ nhu cầu doanh nghiệp và cơ hội nghề nghiệp	4.42	0.56	Rất cao
Sự kiên trì trong học Tiếng Anh	4.05	0.69	Cao
Điểm trung bình chung	4.18	0.65	Cao

Bảng 2 cho thấy động lực học Tiếng Anh của SV Khoa Công nghệ phần mềm đạt mức cao, với điểm trung bình chung là 4,18/5 (SD = 0,65). Điều này cho thấy phần lớn SV nhận thức rõ vai trò của tiếng Anh đối với quá trình học tập và định hướng nghề nghiệp trong lĩnh vực CNTT.

Trong các thành phần của động lực, động lực từ nhu cầu doanh nghiệp và cơ hội nghề nghiệp được đánh giá cao nhất (Mean = 4,42; SD = 0,56). Kết quả này phản ánh SV ý thức được rằng năng lực tiếng Anh là một trong những yêu cầu quan trọng của các doanh nghiệp công nghệ, đặc biệt là các công ty có yếu tố nước ngoài hoặc tham gia thị trường toàn cầu. Thứ hai là mong muốn sử dụng tiếng Anh trong lĩnh vực CNTT (Mean = 4,31; SD = 0,59), cho thấy SV có nhu cầu tiếp cận tài liệu chuyên Khoa, công nghệ mới và giao tiếp trong môi trường làm việc quốc tế. Các yếu tố động lực từ chuẩn đầu ra ngoại ngữ (Mean = 4,20; SD = 0,65) và nhu cầu phát triển bản thân (Mean = 4,12; SD = 0,67) cũng đạt mức cao, cho thấy bên cạnh các yếu tố bên ngoài, SV còn có mong muốn hoàn thiện năng lực cá nhân để đáp ứng yêu cầu học tập và phát triển nghề nghiệp lâu dài. Trong khi đó, sự kiên trì trong học Tiếng Anh (Mean = 4,05; SD = 0,69) và hứng thú học Tiếng Anh (Mean = 3,95; SD = 0,72) có điểm trung bình

thấp hơn các yếu tố còn lại, phản ánh rằng mặc dù nhận thức được tầm quan trọng của tiếng Anh nhưng một bộ phận SV vẫn gặp khó khăn trong việc duy trì hứng thú và sự bền bỉ trong quá trình học.

Kết quả phỏng vấn sâu phù hợp với dữ liệu định lượng. SV (T.Q.M) cho biết học Tiếng Anh nhằm đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp và tiếp cận tài liệu chuyên ngành, trong khi SV (L.V.T) thừa nhận dù nhận thức được tầm quan trọng của tiếng Anh nhưng khó duy trì động lực học thường xuyên do áp lực học tập. Theo GV (N.H.T), động lực học Tiếng Anh của SV chủ yếu xuất phát từ yêu cầu nghề nghiệp và chuẩn đầu ra, còn động lực nội tại chưa bền vững. Nhìn chung, cả kết quả định lượng và định tính đều khẳng định nhu cầu nghề nghiệp, cơ hội việc làm và hội nhập quốc tế là động lực chính thúc đẩy SV học Tiếng Anh, song cần có giải pháp tăng cường động lực nội tại và duy trì hứng thú học tập lâu dài.

Bảng 3: Mức độ tham gia các hoạt động học Tiếng Anh của SV Khoa Công nghệ phần mềm

Hoạt động học Tiếng Anh	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn	Mức độ
Đọc tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh	4.18	0.66	Cao
Sử dụng phần mềm/ứng dụng học Tiếng Anh	4.05	0.71	Cao
Xem video, khóa học CNTT bằng tiếng Anh	4.12	0.68	Cao
Giao tiếp tiếng Anh với bạn bè hoặc GV	3.54	0.82	Khá
Tham gia câu lạc bộ hoặc hoạt động ngoại khóa tiếng Anh	3.39	0.87	Trung bình khá
Điểm trung bình chung	3.91	0.75	Cao

Bảng 3 cho thấy mức độ tham gia các hoạt động học Tiếng Anh của SV Khoa Công nghệ phần mềm đạt mức tương đối cao, với điểm trung bình chung là 3,86/5,00 (SD = 0,75). Kết quả này phản ánh rằng SV đã có nhận thức tích cực về vai trò của tiếng Anh trong quá trình học tập chuyên ngành, đặc biệt trong bối cảnh CNTT là lĩnh vực có tốc độ phát triển nhanh và phần lớn tài liệu, công cụ, nền tảng học tập đều được cung cấp bằng tiếng Anh.

Trong các hoạt động được khảo sát, đọc tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh được SV thực hiện thường xuyên nhất (Mean = 4,18; SD = 0,66), cho thấy xu hướng khai thác tài liệu kỹ thuật, sách, bài báo và hướng dẫn lập trình bằng tiếng Anh để phục vụ học tập, đồng thời nâng cao vốn từ chuyên môn và khả năng tự học. Hoạt động xem video, tham gia các khóa học công nghệ bằng tiếng Anh (Mean = 4,12; SD = 0,68) và sử dụng phần mềm, ứng dụng hỗ trợ học Tiếng Anh (Mean = 4,05; SD = 0,71) cũng được đánh giá cao, phản ánh việc SV tận dụng hiệu quả các nền tảng học trực tuyến. Ngược lại, các hoạt động tương tác trực tiếp như giao tiếp bằng tiếng Anh với bạn bè, GV (Mean = 3,54; SD = 0,82) và tham gia câu lạc bộ hoặc hoạt động ngoại khóa bằng tiếng Anh (Mean = 3,39; SD = 0,87) có mức độ tham gia thấp hơn. Điều này cho thấy SV chủ yếu học Tiếng Anh thông qua các hoạt động tiếp nhận kiến thức hơn là thực hành giao tiếp.

Kết quả phỏng vấn định tính phù hợp với khảo sát định lượng. SV N.H.P chia sẻ: “*Em thường xem các video hướng dẫn lập trình bằng tiếng Anh trên YouTube vì nội dung mới và dễ cập nhật hơn giáo trình*”, cho thấy SV ưu tiên khai thác nguồn học liệu trực tuyến để tự học và cập nhật kiến thức chuyên môn. Trong khi đó, SV T.V.P cho biết: “*Em ít tham gia câu lạc bộ tiếng Anh vì lịch học chuyên ngành khá dày, chủ yếu tự học ở nhà*”, phản ánh hạn chế về thời gian khiến các hoạt động giao tiếp trực tiếp chưa được chú trọng. GV N.V.T cũng nhận định: “*Sinh viên sử dụng tiếng Anh để học chuyên ngành khá thường xuyên, tuy nhiên cần tạo thêm môi trường giao tiếp thực tế để nâng cao khả năng sử dụng ngoại ngữ*.” Vì vậy, Khoa và nhà trường cần tăng cường các hoạt động như câu lạc bộ tiếng Anh chuyên ngành, thảo luận nhóm và hội thảo công nghệ để nâng cao năng lực sử dụng tiếng Anh trong thực tiễn cho SV.

Bảng 4: Những khó khăn của SV Khoa Công nghệ phần mềm trong quá trình học Tiếng Anh

Khó khăn	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn	Mức độ
Thiếu thời gian do học chuyên ngành	4.26	0.63	Rất cao
Từ vựng chuyên ngành khó	4.17	0.66	Cao
Kỹ năng nghe và giao tiếp còn hạn chế	4.09	0.69	Cao

Thiếu môi trường thực hành tiếng Anh	4.22	0.65	Rất cao
Chưa có phương pháp học phù hợp	3.88	0.76	Cao
Điểm trung bình chung	4.12	0.68	Cao

Bảng 4 cho thấy SV Khoa Công nghệ phần mềm đang gặp phải nhiều khó khăn trong quá trình học Tiếng Anh, với điểm trung bình chung đạt 4,12/5,00 (SD = 0,68), tương ứng với mức độ khó khăn cao. Kết quả này phản ánh rằng mặc dù SV nhận thức được tầm quan trọng của tiếng Anh đối với quá trình học tập và phát triển nghề nghiệp trong lĩnh vực CNTT, việc duy trì quá trình học tập ngoại ngữ một cách hiệu quả vẫn còn là một thách thức đáng kể. Những khó khăn trên không chỉ xuất phát từ đặc thù của chương trình đào tạo chuyên ngành mà còn liên quan đến điều kiện môi trường học tập, cơ hội thực hành và phương pháp tiếp cận việc học Tiếng Anh của SV. Trong các khó khăn được khảo sát, thiếu thời gian do khối lượng học tập chuyên ngành có mức ảnh hưởng lớn nhất (Mean = 4,26; SD = 0,63), cho thấy áp lực từ các học phần lập trình, đồ án và thực hành khiến SV ít ưu tiên học Tiếng Anh. Thiếu môi trường thực hành tiếng Anh thường xuyên cũng là trở ngại đáng kể (Mean = 4,22; SD = 0,65), làm hạn chế cơ hội rèn luyện các kỹ năng nghe, nói và giao tiếp. Bên cạnh đó, từ vựng chuyên ngành khó tiếp cận (Mean = 4,17; SD = 0,66) và hạn chế về kỹ năng nghe, giao tiếp (Mean = 4,09; SD = 0,69) cũng ảnh hưởng lớn đến quá trình học tập. Trong khi đó, chưa có phương pháp học tập phù hợp có điểm trung bình thấp nhất (Mean = 3,88; SD = 0,76) nhưng vẫn ở mức cao, cho thấy nhiều SV chưa xây dựng được chiến lược học Tiếng Anh hiệu quả và lâu dài.

Kết quả phỏng vấn sâu phù hợp với dữ liệu định lượng khi cho thấy những khó khăn chính của SV trong học Tiếng Anh là áp lực thời gian do khối lượng học chuyên ngành lớn và thiếu môi trường thực hành. SV V.Q.H chia sẻ: *"Khối lượng bài tập lập trình khá nhiều nên em không có nhiều thời gian dành cho tiếng Anh"*, trong khi L.T.M cho biết: *"Điều khó nhất với em là nghe và giao tiếp vì ít có cơ hội sử dụng tiếng Anh ngoài lớp học"*. GV Đ.H.C cũng nhận định rằng SV có động lực học nhưng gặp trở ngại trong việc duy trì do áp lực học tập và thiếu môi trường sử dụng ngoại ngữ. Nhìn chung, mặc dù nhận thức rõ vai trò của tiếng Anh, SV vẫn gặp khó khăn trong việc học thường xuyên, vì vậy, nhà trường cần tăng cường môi trường sử dụng tiếng Anh, đẩy mạnh các hoạt động học thuật và hướng dẫn phương pháp khai thác tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh để nâng cao hiệu quả học tập.

Bảng 5: Mức độ ảnh hưởng của các yếu tố tạo động lực học Tiếng Anh

Yếu tố tạo động lực	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ bậc
Cơ hội nghề nghiệp	4.45	0.58	1
Tiếp cận tài liệu chuyên Khoa CNTT	4.33	0.61	2
Nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp	4.26	0.63	3
Chuẩn đầu ra ngoại ngữ	4.18	0.68	4
Phát triển bản thân	4.10	0.70	5
Hứng thú học Tiếng Anh	3.91	0.77	6

Bảng 5 cho thấy các yếu tố tạo động lực học Tiếng Anh của SV Khoa Công nghệ phần mềm đều được đánh giá ở mức cao, với điểm trung bình dao động từ 3,91 đến 4,45 trên thang đo 5 mức. Điều này phản ánh động lực học Tiếng Anh của SV chịu tác động đồng thời từ cả các yếu tố bên ngoài và nhu cầu phát triển bản thân. Trong các yếu tố khảo sát, cơ hội nghề nghiệp có điểm trung bình cao nhất (Mean = 4,45; SD = 0,58), cho thấy đây là động lực quan trọng nhất thúc đẩy SV học Tiếng Anh. Kết quả này phản ánh nhận thức của SV rằng năng lực tiếng Anh là lợi thế cạnh tranh khi ứng tuyển vào các doanh nghiệp công nghệ trong nước và quốc tế, đồng thời mở rộng cơ hội làm việc trong môi trường toàn cầu. Đứng thứ hai là khả năng tiếp cận tài liệu chuyên Khoa CNTT (Mean = 4,33; SD = 0,61). Điều này cho thấy SV hiểu rằng phần lớn tài liệu, giáo trình, tài liệu hướng dẫn lập trình và các công nghệ mới đều được cập nhật bằng tiếng Anh. Yếu tố nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp đạt điểm trung bình 4,26 (SD = 0,63), xếp thứ ba. Kết quả này cho thấy SV nhận thức rõ yêu cầu của thị trường lao động hiện nay, khi nhiều doanh nghiệp phần mềm ưu tiên tuyển dụng ứng viên có khả năng sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp và công

việc chuyên môn. Trong khi đó, chuẩn đầu ra ngoại ngữ (Mean = 4,18; SD = 0,68) và nhu cầu phát triển bản thân (Mean = 4,10; SD = 0,70) cũng có ảnh hưởng tích cực đến động lực học Tiếng Anh của SV. Đây là những yếu tố giúp SV duy trì việc học để đáp ứng yêu cầu tốt nghiệp cũng như nâng cao năng lực cá nhân. Yếu tố có điểm trung bình thấp nhất là hứng thú học Tiếng Anh (Mean = 3,91; SD = 0,77). Mặc dù vẫn ở mức cao, kết quả này cho thấy không phải tất cả SV đều có niềm yêu thích đối với việc học Tiếng Anh; nhiều em học chủ yếu vì yêu cầu học tập và nghề nghiệp hơn là vì sở thích.

Kết quả phỏng vấn sâu phù hợp với dữ liệu khảo sát, cho thấy động lực học Tiếng Anh của SV Khoa Công nghệ phần mềm chủ yếu xuất phát từ nhu cầu đọc tài liệu chuyên ngành và đáp ứng yêu cầu tuyển dụng. SV (P.M.G) cho biết việc tiếp cận tài liệu công nghệ bằng tiếng Anh là điều cần thiết để cập nhật kiến thức, trong khi SV (L.H.Q) nhận thấy yêu cầu về tiếng Anh của doanh nghiệp đã thúc đẩy bản thân học tập tích cực hơn. GV (N.T.H.H) cũng nhận định SV đã ý thức rõ vai trò của tiếng Anh trong học tập và nghề nghiệp, đồng thời đề xuất tăng cường các hoạt động gắn với thực tiễn để duy trì động lực. Nhìn chung, cơ hội nghề nghiệp, yêu cầu của doanh nghiệp và khả năng tiếp cận tài liệu chuyên ngành là những yếu tố tạo động lực mạnh nhất, trong khi hứng thú học Tiếng Anh chưa phải yếu tố quyết định.

2.3. Một số giải pháp tạo động lực học môn Tiếng Anh cho sinh viên Khoa Công nghệ phần mềm, Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông

2.3.1. Nhà trường cần tăng cường tích hợp tiếng Anh chuyên ngành vào chương trình đào tạo Công nghệ phần mềm thông qua các học phần, bài tập, dự án hoặc tài liệu tham khảo bằng tiếng Anh. Việc sử dụng tiếng Anh trong các hoạt động học tập chuyên môn sẽ giúp SV nhận thấy rõ giá trị thực tiễn của ngoại ngữ và hình thành thói quen sử dụng tiếng Anh thường xuyên. Qua đó giúp thường xuyên, không ngừng tự học, nâng cao trình độ và kỹ năng sử dụng tiếng Anh của bản thân. Việc tích hợp tiếng Anh chuyên ngành vào chương trình đào tạo Công nghệ phần mềm cũng góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Khoa, Nhà trường; nâng cao chất lượng đội ngũ GV của Khoa.

2.3.2. Xây dựng môi trường thực hành tiếng Anh đa dạng và phù hợp với đặc thù ngành CNTT như câu lạc bộ tiếng Anh chuyên ngành, hội thảo công nghệ bằng tiếng Anh, hoạt động thuyết trình, thảo luận nhóm hoặc các dự án hợp tác có yếu tố quốc tế. Đặc biệt, cần tăng cường khuyến khích SV tích cực, chủ động tham gia vào các câu lạc bộ tiếng Anh dành cho SV, hội thảo công nghệ bằng tiếng Anh, các dự án hợp tác có yếu tố quốc tế. Những hoạt động này sẽ giúp hình thành và phát triển hứng thú, động lực học tập Tiếng Anh, giúp SV học tập không cảm thấy bị áp lực, mệt mỏi; việc học tập diễn ra một cách tự nhiên góp phần cải thiện khả năng giao tiếp, tăng sự tự tin và phát triển động lực nội tại cho SV.

2.3.3. Giảng viên cần hướng dẫn SV các phương pháp học Tiếng Anh hiệu quả, đặc biệt là cách khai thác tài liệu kỹ thuật, mở rộng vốn từ vựng chuyên ngành và kết hợp giữa tự học với thực hành. Các hoạt động học tập nên được thiết kế theo hướng gắn với tình huống nghề nghiệp thực tế nhằm tạo sự hứng thú và tính ứng dụng cao. Hằng năm, Khoa cần tổ chức các buổi tọa đàm, trao đổi về phương pháp học tập tiếng Anh hiệu quả giữa SV của các khóa, giữa GV với SV. Những kinh nghiệm quý báu đúc rút từ thực tiễn được chia sẻ sẽ có tính thuyết phục cao, tạo được động cơ học tập Tiếng Anh với những phương pháp học tập mà mỗi SV cảm thấy phù hợp với bản thân.

2.3.4. Tăng cường liên kết với doanh nghiệp công nghệ để tổ chức các hoạt động trải nghiệm nghề nghiệp, chia sẻ yêu cầu tuyển dụng và giới thiệu vai trò của tiếng Anh trong môi trường làm việc thực tế. Sự kết nối này sẽ giúp SV củng cố nhận thức về tầm quan trọng của ngoại ngữ và duy trì động lực học tập lâu dài. Thông qua các hoạt động trải nghiệm nghề nghiệp, chia sẻ yêu cầu tuyển dụng giúp SV thấy rõ lợi ích, cơ hội việc làm và thu nhập các em có thể đạt được trong tương lai khi tốt nghiệp đi làm nếu có kiến thức, kỹ năng sử dụng tiếng Anh. Đó là những trải nghiệm thực tế, tác động mạnh mẽ về tự ý thức về những kiến thức, kỹ năng mà SV đã có, còn thiếu hoặc hạn chế, từ đó giúp SV không ngừng tự học Tiếng Anh.

2.3.5. Khuyến khích SV xây dựng kế hoạch học Tiếng Anh cá nhân theo hướng liên tục và bền vững, không chỉ tập trung vào các kỳ thi hoặc chuẩn đầu ra mà hướng đến sử dụng tiếng Anh như một công

cụ hỗ trợ học tập, nghiên cứu và phát triển nghề nghiệp trong lĩnh vực công nghệ phần mềm. Kế hoạch học tập sẽ giúp SV xác định được cụ thể lộ trình, những điều kiện hiện có, những khó khăn cần vượt qua để có thể tự điều chỉnh phù hợp với điều kiện của bản thân; để SV hoàn thành đạt được mục tiêu đề ra. GV cũng cần hỗ trợ, hướng dẫn SV phương pháp lập kế hoạch học Tiếng Anh, đặc biệt là đối với những SV năm thứ nhất.

3. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy SV Khoa Công nghệ phần mềm có động lực học Tiếng Anh ở mức cao, với nhận thức rõ ràng về vai trò của ngoại ngữ trong học tập chuyên ngành và phát triển nghề nghiệp. Các yếu tố thúc đẩy mạnh nhất là cơ hội việc làm, nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp và khả năng tiếp cận tài liệu công nghệ bằng tiếng Anh. SV đã chủ động khai thác các nguồn học liệu tiếng Anh như tài liệu chuyên ngành, khóa học trực tuyến và các công cụ hỗ trợ học tập. Tuy nhiên, việc duy trì động lực lâu dài còn gặp hạn chế do áp lực học chuyên ngành, thiếu môi trường thực hành giao tiếp và sự chưa ổn định trong phương pháp học tập.

Động lực của SV hiện vẫn thiên về mục tiêu bên ngoài hơn là sự hứng thú nội tại đối với việc học Tiếng Anh. Vì vậy, cần có các giải pháp đồng bộ nhằm chuyển đổi tiếng Anh từ một yêu cầu bắt buộc thành năng lực nghề nghiệp được SV chủ động phát triển. Việc tăng cường môi trường sử dụng tiếng Anh chuyên ngành sẽ góp phần nâng cao hiệu quả học tập và khả năng thích ứng của SV trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Tài liệu tham khảo

- Aryadoust, V., Soo, Y. X. N., & Zhai, J. (2024). Exploring the state of research on motivation in second language learning: A review and a reliability generalization meta-analysis. *International Review of Applied Linguistics in Language Teaching*, 62(2), 1093–1126.
- Aryadoust, V., Soo, Y. X. N., & Zhai, J. (2024). Learning motivation: A systematic review of recent developments. *Educational Psychology Review*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022). *Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học*.
- Dörnyei, Z. (1994). Motivation and motivating in the foreign language classroom. *The Modern Language Journal*, 78(3), 273–284.
- Dörnyei, Z., & Ushioda, E. (2021). *Teaching and researching motivation* (3rd ed.). Routledge.
- Hennebry-Leung, M., & Lamb, M. (2024). Language learning motivation in diverse educational contexts. *English Teaching & Learning*, 48, 145–153. <https://doi.org/10.1007/s42321-024-00179-8>.
- Henry, A., & Liu, M. (2024). Motivation and self-regulated learning in second language acquisition. *Language Teaching Research*.
- Henry, A., & Liu, M. (2024). Recent developments in second language motivation research: Self-regulation, multilingualism, and dynamic perspectives. *Language Teaching*, 57(2), 220–239.
- Julianto, D. A., Laeli, N., & Nurkhafifah, S. (2024). Exploring factors influencing college students' motivation in learning English: A systematic literature review. *English Focus: Journal of English Language Education*, 8(1), 37–50.
- Lai, C. (2017). *Autonomous language learning with technology: Beyond the classroom*. Bloomsbury Academic.
- Nguyễn Văn Lợi, Chung Thị Thanh Hằng (2014). Các yếu tố ảnh hưởng năng lực tiếng Anh của sinh viên Sư phạm tiếng Anh, Trường Đại học Cần Thơ. *Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ*, (32), 67–74.
- Noels, K. A. (2001). Learning Spanish as a second language: Learners' orientations and perceptions of their teachers' communication style. *Language Learning*, 51(1), 107–144.
- Reinders, H., & Benson, P. (2022). Language learner autonomy: Theory, practice and research.
- Reinders, H., & Benson, P. (2022). Research agenda: Language learning beyond the classroom. *Language Teaching*, 55(2), 261–273.
- Ryan, R. M., & Deci, E. L. (2020). Intrinsic and extrinsic motivation from a self-determination theory perspective: Definitions, theory, practices, and future directions. *Contemporary Educational Psychology*, 61, 101860.
- Trương Công Bằng. (2017). Những yếu tố ảnh hưởng đến việc học Tiếng Anh của sinh viên Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Ngôn ngữ và Văn hóa*, 1(2), 1–9.
- UNESCO. (2024). *Global Education Monitoring Report 2024*. UNESCO.